

# GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TP. HỒ CHÍ MINH ĐẾN NĂM 2010

NGUYỄN VĂN LAI

Giám đốc Sở Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

## 1. Thực trạng ngành công nghiệp TP. Hồ Chí Minh.

Công nghiệp đang là thế mạnh, có khả năng cạnh tranh cao của TP. Hồ Chí Minh. Đến năm 2004, sản xuất công nghiệp (SXCN) trên địa bàn thành phố chiếm tới 30% giá trị SXCN của cả nước và 50% giá trị sản lượng công nghiệp của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Trên địa bàn thành phố có gần 31.650 cơ sở SXCN, trong đó có 131 doanh nghiệp nhà nước (DNNN) trung ương, 159 DNNN trực thuộc thành phố và 541 DN có vốn đầu tư nước ngoài. Trong giai đoạn 2001-2004, sau 4 năm thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2005), giá trị SXCN của thành phố tăng bình quân 15%/năm, trong đó giá trị SXCN khu vực quốc doanh chiếm tỉ trọng 38,8%, ngoài quốc doanh: 26,88% và đầu tư nước ngoài: 34,32%. Trong cơ cấu công nghiệp của thành phố, tỉ trọng các ngành công nghiệp chủ lực trong tổng giá trị SXCN cao nhất là chế biến thực phẩm, đồ uống: 21,6%, cơ khí: 14,9%, dệt - may: 13,2%, da giày: 6,4%, hoá chất: 9,3%, điện tử: 3,5% và nhựa - cao su: 8,8%. Một số sản phẩm của ngành công nghiệp thành phố chiếm thị phần chủ đạo của thị trường trong nước như sữa hộp: 72%, thuốc lá: 58%; xà phòng: 52%; vải: 51%, bia: 41%; may mặc thuộc da: 42%; hoá chất: 57%; cơ khí: 35%; điện tử - tin học: 40%.

Kim ngạch xuất khẩu của công nghiệp trên địa bàn ngày càng tăng. Tỉ trọng

hàng công nghiệp trong kim ngạch xuất khẩu khoảng 87,23% (chưa kể khu vực đầu tư nước ngoài). Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu hàng công nghiệp bình quân năm 1996-2000 tăng 22,3%/năm, cao hơn mức tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn là 19,7%/năm. Năm 2004 tăng 17%.

Lao động công nghiệp của thành phố tăng nhanh, đến năm 2004, tổng số lao động công nghiệp là 783.250 người, chiếm tỉ lệ 33,53% tổng số người đang làm việc của thành phố, bình quân hàng năm ngành công nghiệp tạo việc làm mới cho khoảng 50.000 - 60.000 lao động, trong đó có 28,59% lao động làm việc trong khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, 24% lao động làm việc ở khu vực quốc doanh và 47,41% ở khu vực dân doanh.

Trong những năm qua, được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ và các bộ, ngành trung ương, việc xây dựng các chương trình, mục tiêu trọng điểm, xác định rõ sản phẩm và ngành công nghiệp chủ lực để tập trung phát triển cũng như việc tìm ra các giải pháp tháo gỡ khó khăn giúp các DN bình ổn, phát triển, SXCN của thành phố được triển khai tích cực. Công nghiệp thành phố đã có sự thay đổi về giá trị và về số lượng cơ sở sản xuất, nhất là sau khi Luật Doanh nghiệp được ban hành.

Thành phố cũng đã tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ và trang thiết bị, thu hút vốn đầu tư và công nghệ nước ngoài



## KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

vào các ngành công nghiệp trọng điểm, nhờ đó hiệu quả sản xuất ngành công nghiệp thành phố được cải thiện đáng kể.

Việc hình thành, hoạt động và phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp và khu công nghệ cao đã từng bước khẳng định hướng đi đúng của ngành công nghiệp thành phố. Việc hình thành các cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống ở các huyện vùng ven và liên kết với các tỉnh lân cận xây dựng các khu vực SXCN phục vụ việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường được xúc tiến mạnh mẽ.

Tuy nhiên, thực tế phát triển công nghiệp trên địa bàn thành phố những năm qua còn khá nhiều hạn chế. Thành phố chưa có quy hoạch toàn diện về phát triển công nghiệp. Các chính sách quản lý, điều tiết sản xuất thường xuyên biến động, chưa thực sự thu hút sự tham gia của cộng đồng dân cư vào sản xuất - kinh doanh. Khu vực kinh tế nhà nước chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu nhưng chưa phát huy hết năng lực. Việc phát triển công nghiệp với tốc độ cao trong một thời gian dài, chủ yếu là phát triển theo chiều rộng, chưa chú trọng đầu tư chiều sâu, do đó hiệu quả kinh tế còn thấp. Các ngành công nghệ mũi nhọn, trọng điểm như cơ khí chế tạo, điện tử, công nghệ - thông tin, hoá chất phát triển chậm; cơ cấu nội tại của ngành còn nhiều bất cập. Các ngành sử dụng nhiều lao động giản đơn chiếm tỉ trọng cao. Nguồn nguyên liệu phục vụ SXCN còn phụ thuộc vào nhập khẩu (80%). Thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn. Lực lượng lao động còn thiếu cán bộ quản lý và thợ kỹ thuật giỏi. Chiến lược sản phẩm, chiến lược thị trường và đội ngũ chuyên gia trong từng lĩnh vực, nhất là trong thiết kế mẫu mã, nghiên cứu ứng dụng và cải tiến công nghệ của thành phố cũng như của từng doanh nghiệp còn thiếu, chưa đáp ứng

yêu cầu.

### 2. Giải pháp phát triển công nghiệp thành phố đến năm 2010.

Đến năm 2005, cơ cấu kinh tế trên địa bàn thành phố về tỉ trọng vẫn là: dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp. Chuyển dịch theo hướng tăng dần tỉ trọng dịch vụ thương mại, trong đó công nghiệp và xây dựng (khu vực II) tăng ít nhất 13%; dịch vụ thương mại (khu vực III) tăng ít nhất 9,5%; nông-lâm-ngư nghiệp (khu vực I) tăng khoảng 2%.

Để tiếp tục phát triển công nghiệp theo hướng an toàn, bền vững, hiệu quả, phấn đấu đến năm 2010 đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng giá trị SXCN bình quân 10%/năm, tỉ trọng giá trị SXCN so với cả nước chiếm 29-30%, thành phố cần thực hiện có hiệu quả các giải pháp sau:

*Một là*, tập trung vốn nhà nước cho các dự án công nghiệp trọng điểm, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, thực hiện chuyển dịch có hiệu quả cơ cấu công nghiệp của thành phố. Chú trọng tạo chính sách và cơ chế để phát triển các ngành công nghiệp sạch và công nghiệp tiêu thụ ít năng lượng nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, đảm bảo ngành công nghiệp và nền kinh tế tăng trưởng ổn định và bền vững. Mặt khác, cần hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp trọng yếu, các sản phẩm công nghiệp chủ lực. Mở rộng quyền của doanh nghiệp trong việc sử dụng đất, xây dựng biểu định giá thuê đất theo giá thị trường. Tăng chi ngân sách của thành phố cho nghiên cứu khoa học - công nghệ (KH-CN) lên mức 3-5% tổng chi ngân sách hàng năm. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm toán. Kịp thời xem xét, điều chỉnh các chính sách tài chính chưa phù hợp với AFTA và các thông lệ quốc tế.

*Hai là*, khuyến khích các DN đầu tư



phát triển KH-CN. Các khoản thu từ việc sử dụng quỹ nghiên cứu phát triển KH-CN để đổi mới, cải tiến không phải chịu thuế; các khoản chi cho mục tiêu này được tính vào giá thành sản phẩm. Thành phố được dùng ngân sách để hỗ trợ một phần kinh phí cho các đề tài nghiên cứu KH-CN của DN. Đầu tư từ ngân sách nhà nước để xây dựng trung tâm giám định chất lượng và giá cả. Ưu đãi cho các dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài có chuyển giao công nghệ cao. Tiếp tục loại bỏ những trở ngại về pháp lý và chính sách đối với chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam.

*Ba là*, thực hiện tốt chính sách thị trường và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở thí điểm áp dụng các chế tài đủ mạnh để hạn chế tình trạng bán phá giá, bán hàng kém chất lượng, gian lận thương mại; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng hàng công nghiệp. Tăng chi ngân sách hỗ trợ cho các hoạt động khuyến khích xuất khẩu và xúc tiến thương mại của các DN công nghiệp. Dành mức ưu đãi cao nhất cho các sản phẩm xuất khẩu chế biến sâu, các sản phẩm chất lượng cao, đặc biệt là những sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam, thương hiệu "Sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh".

*Bốn là*, tăng cường mở rộng thị trường và hội nhập. Tạo mọi điều kiện cho các DN nghiên cứu sâu những thị trường của khu vực châu Á, Liên minh châu Âu (EU) và CHLB Nga; đồng thời mở rộng sang những thị trường mới ở Trung Đông, Bắc Mỹ, Châu Phi... với những giải pháp thích hợp như: Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện cho các DN trong nước được tham gia các cuộc triển lãm, hội chợ để giới thiệu hàng hoá Việt Nam ở nước ngoài nhằm thâm nhập thị trường thế giới. Củng cố và phát triển hệ thống xúc tiến mậu dịch hiện nay nhằm phục vụ hiệu quả về thông tin kinh

tế (nhất là nhu cầu thị trường thế giới, khả năng các đối tác cạnh tranh ở các nước để tư vấn cho các nhà đầu tư trong nước khi quyết định đầu tư). Khuyến khích đa dạng hoá hoạt động xúc tiến thương mại trong và ngoài nước. Xây dựng chương trình phát triển xuất khẩu toàn diện, tập trung vào một số trung tâm trọng điểm.

*Năm là*, tiếp tục thực hiện hỗ trợ DN. Xem xét thành lập quỹ khuyến khích xuất khẩu của thành phố để hỗ trợ cho những DN có khả năng xuất khẩu trực tiếp hoặc gián tiếp xuất khẩu hàng hoá do chính DN sản xuất. Thực hiện chính sách "khuyến công", phát triển các làng nghề tiểu thủ công nghiệp. Hỗ trợ một phần kinh phí cho các DN (nhất là những doanh nghiệp nhỏ và vừa) tham gia các hội chợ, triển lãm hàng hoá trên thế giới để tạo điều kiện cho các DN giới thiệu sản phẩm của mình.

*Sáu là*, chăm lo phát triển nguồn nhân lực, nâng cao dân trí, có kế hoạch đào tạo nhân tài. Mặt khác, cần nghiên cứu để sớm hình thành trung tâm huấn luyện nghiệp vụ cao cấp nhằm đào tạo những ngành nghề cần phải đầu tư lớn, yêu cầu kỹ thuật cao, ngành nghề mang tính đặc thù của nền kinh tế tri thức. Có chính sách đào tạo nguồn nhân lực như xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề, tăng cường năng lực quản lý chiến lược trong từng ngành. Chú ý liên kết giữa đào tạo - nghiên cứu - sản xuất - kinh doanh, ứng dụng những thành tựu nghiên cứu trong KH-CN vào thực tiễn sản xuất. Nghiên cứu xây dựng quỹ tín dụng dạy nghề nhằm hỗ trợ giúp đỡ người lao động nghèo, lao động chính sách, những người mất việc làm cần đào tạo lại. Tổ chức trợ vốn cho các DN có khả năng đào tạo tại chỗ và thu hút nhiều lao động làm việc ổn định, nhất là lao động nữ.

*Bảy là*, tăng cường QLNN về công nghiệp, thực hiện quy hoạch chi tiết các



ngành công nghiệp trọng yếu trên địa bàn làm cơ sở cho việc quản lý và phát triển. rà soát, điều chỉnh quy hoạch các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn làm căn cứ bố trí các dự án đầu tư mới và di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra khỏi thành phố. Kiện toàn cơ chế hoạt động và bộ máy quản lý, nâng cao năng lực QLNN của Sở Công nghiệp thành phố để phù hợp với đặc thù của một trung tâm công nghiệp lớn của cả nước. Xây dựng quy chế phối hợp chặt chẽ giữa các bộ, ngành, UBND thành phố trong việc quản lý hệ thống sản xuất công nghiệp; tham gia gắn kết hoạt động với Ban điều hành vùng kinh tế trọng điểm phía Nam của Chính phủ. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng trên cơ sở có chính sách về vốn để tạo nguồn cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển công nghiệp.

*Tám là*, đổi mới và đẩy mạnh công tác vận động và xúc tiến đầu tư theo hướng tăng chi ngân sách nhà nước cho các hoạt động nghiên cứu, thu hút đầu tư. Ưu tiên cho các dự án có hàm lượng công nghệ cao, hiện đại và sản xuất hàng tư liệu sản xuất. Cấp kinh phí thường xuyên từ ngân sách thành phố tài trợ cho các hoạt động quảng cáo kêu gọi đầu tư và được bồi hoàn từ nguồn thu phí tư vấn môi giới đầu tư sau đó. Khuyến khích phát triển dịch vụ bảo hiểm đầu tư trong nước và quốc tế để tăng độ an toàn, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài an tâm và tích cực đầu tư vào Việt Nam.

Đẩy mạnh cổ phần hoá, sắp xếp đổi mới các DNNN. Tập trung xây dựng một số tập đoàn kinh tế với nền tảng là các tổng công ty mạnh, có sự tham gia bình đẳng theo cơ chế thị trường của các thành phần kinh tế khác. Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường để hỗ trợ mọi thành phần kinh tế phát triển các hoạt động DN. Thành lập các trung tâm dịch vụ công

ng nghiệp như Trung tâm tư vấn phát triển công nghiệp, Trung tâm khuyến công. Xây dựng và phát triển thị trường KH-CN, thị trường vốn, thị trường lao động. Đẩy mạnh việc hợp tác công nghiệp trong khối ASEAN theo chương trình AICO (chương trình hợp tác giữa các nhà công nghiệp các nước ASEAN, thoả thuận không đánh thuế trên linh kiện để lắp ráp hoàn chỉnh sản phẩm nhằm hạ giá thành để có thể cạnh tranh trên thị trường thế giới).

Thông qua các biện pháp bảo vệ thị trường trong nước, tạo sự cạnh tranh hợp pháp và công bằng với các hình thức như ngăn chặn các hàng hoá, sản phẩm kém chất lượng, không an toàn, gây ô nhiễm môi trường, hàng gian, hàng giả và hàng nhập lậu thâm nhập vào thị trường.

*Chín là*, thúc đẩy mạnh mẽ việc cải cách hành chính theo hướng chuyên nghiệp hoá, tạo môi trường đầu tư thông thoáng. Thực hiện một số dịch vụ công để hỗ trợ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Có chính sách phù hợp trong việc thành lập cơ chế quản lý liên tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam nhằm giảm thiểu chi phí đầu vào của DN. Đồng thời tích cực, chủ động trong việc xây dựng mô hình, phương thức quản lý phù hợp với sự phát triển của ba ngành công nghiệp trọng yếu (cơ khí, điện tử - tin học, hoá chất), góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu ngành Công nghiệp nói riêng và kinh tế thành phố nói chung theo hướng năng động, bền vững, hiệu quả.

*Mười là*, phối hợp với các Hiệp hội để tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật liên quan tới ngành Công nghiệp đến các doanh nghiệp; nâng cao vai trò các Hiệp hội ngành nghề trong cơ chế thị trường □